



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mang cuộc sống vào bài học – Đưa bài học vào cuộc sống

TÀI LIỆU TẬP HUẤN SGK

TOÁN LỚP 2

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	4
----------------------	---

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 2	5
1.1. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt	5
1.2. Thời lượng thực hiện Chương trình và thời lượng dành cho các mạch nội dung giáo dục	9
1.3. Phương pháp dạy học	9
1.4. Đánh giá kết quả học tập	10
II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 2 (CÁNH DIỀU)	10
2.1. Một số đặc điểm chung	10
2.2. Một số điểm mới trong cấu trúc nội dung sách giáo khoa Toán 2	13
2.3. Khung phân phối chương trình và dự kiến kế hoạch dạy học sách giáo khoa Toán 2 (Cánh Diều)	15
2.4. Yêu cầu về Phương pháp dạy học môn Toán 2	18
2.5. Vấn đề đánh giá và xếp loại học sinh trong dạy học môn Toán lớp 2 (Cánh Diều)	21
III. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ THỐNG SÁCH, CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO BỔ TRỢ VÀ HỌC LIỆU, THIẾT BỊ DẠY HỌC CỦA SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 2 (CÁNH DIỀU)	22
3.1. Hệ thống sách và các tài liệu tham khảo bổ trợ (in giấy)	22
3.2. Thiết bị và đồ dùng dạy học	23
3.3. Học liệu điện tử	23

Phần thứ hai

HƯỚNG DẪN SOẠN BÀI DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 2 (CÁNH DIỀU)

I. GIỚI THIỆU CHUNG	24
II. BÀI SOẠN MINH HOẠ	25

CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG TÀI LIỆU

HS:	Học sinh
GV:	Giáo viên
SGK:	Sách giáo khoa
SGV:	Sách giáo viên
VD:	Ví dụ
HĐ:	Hoạt động
NL:	Năng lực
PPCT:	Phân phối chương trình
CT:	Chương trình

Lời giới thiệu

Sách giáo khoa Toán 2 (Cánh Diều) là tài liệu học tập môn Toán dành cho học sinh lớp 2, thực hiện theo “*Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 – môn Toán lớp 2*”. Đây là cơ sở để giáo viên tiến hành dạy học (lập kế hoạch cho từng bài hoặc cho cả năm học) và kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Toán lớp 2 của học sinh.

Cuốn ***Tài liệu tập huấn dạy học theo sách giáo khoa lớp 2 (Cánh Diều) môn Toán*** có mục tiêu giúp giáo viên:

- Có hiểu biết khái quát về Chương trình môn Toán lớp 2 bao gồm: mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kế hoạch dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập của học sinh trong dạy học môn Toán lớp 2.

- Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học (trong đó có đổi mới việc soạn bài dạy học) và đổi mới đánh giá kết quả học tập.

- Giới thiệu quy trình và kỹ thuật soạn bài dạy học (thông qua việc giới thiệu một số bài soạn có tính chất tham khảo) đáp ứng yêu cầu dạy học hình thành và phát triển năng lực học tập môn Toán cho học sinh lớp 2.

Cuốn tài liệu gồm hai phần chính:

Phần thứ nhất. Những vấn đề chung

Phần thứ hai. Hướng dẫn soạn bài dạy học theo sách giáo khoa Toán 2 (Cánh Diều).

Phần thứ nhất
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 2

1.1. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
SỐ VÀ PHÉP TÍNH		
<i>Số tự nhiên</i>		
Số tự nhiên	<i>Số và cấu tạo thập phân của một số</i>	– Đếm, đọc, viết được các số trong phạm vi 1000. – Nhận biết được số tròn trăm. – Nhận biết được số liền trước, số liền sau của một số. – Thực hiện được việc viết số thành tổng của trăm, chục, đơn vị. – Nhận biết được tia số và viết được số thích hợp trên tia số.
	<i>So sánh các số</i>	– Nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi 1000. – Xác định được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 1000). – Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 1000).
	<i>Ước lượng số đồ vật</i>	Làm quen với việc ước lượng số đồ vật theo các nhóm 1 chục.
Các phép tính với số tự nhiên	<i>Phép cộng, phép trừ</i>	– Nhận biết được các thành phần của phép cộng, phép trừ. – Thực hiện được phép cộng, phép trừ (không nhớ, có nhớ không quá một lượt) các số trong phạm vi 1000. – Thực hiện được việc tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ (theo thứ tự từ

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
		trái sang phải).
	<i>Phép nhân, phép chia</i>	– Nhận biết được ý nghĩa của phép nhân, phép chia. – Nhận biết được các thành phần của phép nhân, phép chia. – Vận dụng được bảng nhân 2 và bảng nhân 5 trong thực hành tính. – Vận dụng được bảng chia 2 và bảng chia 5 trong thực hành tính.
	<i>Tính nhẩm</i>	– Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 20. – Thực hiện được việc cộng, trừ nhẩm các số tròn chục, tròn trăm trong phạm vi 1000.
	<i>Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính đã học</i>	– Nhận biết ý nghĩa thực tiễn của phép tính (cộng, trừ, nhân, chia) thông qua tranh ảnh, hình vẽ hoặc tình huống thực tiễn. – Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có một bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) liên quan đến ý nghĩa thực tế của phép tính (ví dụ: bài toán về thêm, bớt một số đơn vị; bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị).
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG		
<i>Hình học trực quan</i>		
Hình phẳng và hình khối	<i>Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng của một số hình phẳng và hình khối đơn giản</i>	– Nhận biết được điểm, đoạn thẳng, đường cong, đường thẳng, đường gấp khúc, ba điểm thẳng hàng thông qua hình ảnh trực quan. – Nhận dạng được hình tứ giác thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật. – Nhận dạng được khối trụ, khối cầu thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật.
	<i>Thực hành đo, vẽ, lắp ghép, tạo</i>	– Thực hiện được việc vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
	<i>hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học</i>	- Nhận biết và thực hiện được việc gấp, cắt, ghép, xếp và tạo hình gắn với việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến hình phẳng và hình khối đã học.
Đo lường		
Đo lường	<i>Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng</i>	- Nhận biết được về “nặng hơn”, “nhẹ hơn”. - Nhận biết được đơn vị đo khối lượng: kg (ki-lô-gam); đọc và viết được số đo khối lượng trong phạm vi 1000kg. - Nhận biết được đơn vị đo dung tích: l (lít); đọc và viết được số đo dung tích trong phạm vi 1000 lít. - Nhận biết được các đơn vị đo độ dài dm (đề-xi-mét), m (mét), km (ki-lô-mét) và quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài đã học. - Nhận biết được một ngày có 24 giờ; một giờ có 60 phút. - Nhận biết được số ngày trong tháng, ngày trong tháng (ví dụ: tháng Ba có 31 ngày; sinh nhật Bác Hồ là ngày 19 tháng 5). - Nhận biết được tiền Việt Nam thông qua hình ảnh một số tờ tiền.
	<i>Thực hành đo đại lượng</i>	- Sử dụng được một số dụng cụ thông dụng (một số loại cân thông dụng, thước thẳng có chia vạch đến xăng-ti-mét,...) để thực hành cân, đo, đong, đếm. - Đọc được giờ trên đồng hồ khi kim phút chỉ số 3, số 6.
	<i>Tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng</i>	- Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo độ dài, khối lượng, dung tích đã học. - Thực hiện được việc ước lượng các số đo trong một số trường hợp đơn giản (ví dụ: cột cờ trường em cao khoảng 6 m, cửa ra vào của lớp học cao

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
		khoảng 2 m,...). – Tính được độ dài đường gấp khúc khi biết độ dài các cạnh. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo lường các đại lượng đã học.
MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT		
Một số yếu tố thống kê		
Một số yếu tố thống kê	<i>Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu</i>	Làm quen với việc thu thập, phân loại, kiểm đếm các đối tượng thống kê (trong một số tình huống đơn giản).
	<i>Đọc biểu đồ tranh</i>	Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng biểu đồ tranh.
	<i>Nhận xét về các số liệu trên biểu đồ tranh</i>	Nêu được một số nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh.
Một số yếu tố xác suất		
Một số yếu tố xác suất	<i>Làm quen với các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện</i>	Làm quen với việc mô tả những hiện tượng liên quan tới các thuật ngữ: có thể, chắc chắn, không thể, thông qua một vài thí nghiệm, trò chơi, hoặc xuất phát từ thực tiễn.
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM		
Nhà trường tổ chức cho học sinh (HS) một số hoạt động sau và có thể bổ sung các hoạt động khác tùy vào điều kiện cụ thể. Hoạt động 1: Thực hành ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn, chẳng hạn: – Thực hành tính toán, đo lường và ước lượng độ dài, khối lượng, dung tích một số đồ vật trong thực tiễn; thực hành đọc giờ trên đồng hồ, xem lịch; thực hành sắp xếp thời gian biểu học tập và sinh hoạt của cá nhân hằng ngày, trong tuần,... – Thực hành thu thập, phân loại, ghi chép, kiểm đếm một số đối tượng thống kê trong trường, lớp. Hoạt động 2: Tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khóa (ví dụ: trò chơi học toán hoặc các hoạt động “Học vui – Vui học”,...) liên quan đến ôn tập, củng cố các kiến thức cơ bản.		

1.2. Thời lượng thực hiện Chương trình và thời lượng dành cho các mạch nội dung giáo dục

Thời lượng cho môn Toán lớp 2: 5 tiết/tuần $\times$ 35 tuần = 175 tiết.

Ước lượng thời gian (tính theo %) cho các mạch nội dung Toán ở lớp 2:

Mạch kiến thức	Số và phép tính	Hình học và Đo lường	Thống kê và Xác suất	Hoạt động thực hành và trải nghiệm
Thời lượng	75%	17%	3%	5%

Một số vấn đề cần lưu ý:

– Tổ/nhóm chuyên môn có thể thống nhất số tiết của mỗi bài sao cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

– Nên bố trí một số tiết dự phòng (so với tổng số tiết quy định trong CT cả năm) để GV có thể sử dụng cho giờ kiểm tra, bổ sung tiết cho những bài khó, bài dài hoặc dự phòng để bù giờ.

– Tổ/nhóm chuyên môn căn cứ vào gợi ý thời lượng của từng bài, từng chủ đề và mạch kiến thức đề xuất với Hiệu trưởng quyết định xếp thời khoá biểu sao cho hợp lí.

1.3. Phương pháp dạy học

Đổi mới phương pháp dạy học vẫn là điểm nhấn chủ yếu nhất trong đổi mới CT môn Toán, trong đó cần chú ý các yêu cầu:

– Tổ chức quá trình dạy học phù hợp với tiến trình nhận thức, NL nhận thức, cách thức học tập khác nhau của từng cá nhân HS. Tiến trình đó bao gồm các bước chủ yếu:

Trải nghiệm – Hình thành kiến thức mới – Thực hành, luyện tập – Vận dụng.

Kết hợp các HĐ dạy học trong lớp với HĐ ngoài giờ chính khoá và HĐ thực hành trải nghiệm, ứng dụng kiến thức toán học vào thực tiễn.

– Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực; khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kĩ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống.

– Quá trình dạy học Toán 2 là một quá trình linh hoạt và có tính “mở”. GV cần căn cứ vào đặc điểm của HS, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng lớp, từng trường để chủ động lựa chọn hay tiến hành những điều chỉnh hoặc bổ sung cụ thể về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Tuy nhiên, việc điều chỉnh phải trên cơ sở đảm bảo yêu cầu cần đạt của CT môn Toán (với những kiến thức, kỹ năng cơ bản, trọng tâm trong mỗi bài học); nội dung điều chỉnh phải phù hợp với thực tế đời sống, với truyền thống văn hoá của cộng đồng dân cư nơi HS sinh sống, phù hợp với đặc điểm và trình độ HS trong lớp học. Giao quyền chủ động cho các nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương, nhà trường và NL của GV, HS. Vì vậy, trong trường hợp cần dẫn hoặc thu gọn thời lượng dạy học, GV có thể căn cứ tình hình cụ thể để chủ động điều chỉnh cho phù hợp, miễn sao đảm bảo được mục tiêu và yêu cầu cần đạt.

1.4. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá NL người học thông qua các bằng chứng thể hiện kết quả đạt được trong quá trình học tập. Kết hợp nhiều hình thức đánh giá (đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì), nhiều phương pháp đánh giá (quan sát, ghi lại quá trình thực hiện, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tự luận, kiểm tra viết, bài tập thực hành, các dự án/sản phẩm học tập,...) và vào những thời điểm thích hợp.

Với mỗi bài học, mỗi đơn vị kiến thức, nên giao cho HS những mục tiêu và nhiệm vụ học tập cụ thể. Có thể điều chỉnh các nhiệm vụ học tập nêu trong SGK để phù hợp với nhịp độ tiếp thu và trình độ nhận thức của HS.

Khi kết thúc một chủ đề, GV có thể tổ chức kiểm tra để đánh giá kết quả học tập của HS và điều chỉnh cách dạy của mình.

II. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 2 (CÁNH DIỀU)

2.1. Một số đặc điểm chung

2.1.1. Cụ thể hóa yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Toán lớp 2.

Ví dụ, với chủ đề “*Các phép tính cộng, trừ với số tự nhiên*”:

Khung nội dung SGK Toán 2 (Cánh Diều) có những điểm nhấn như sau:

- Hoàn thiện kỹ thuật tính cộng, trừ (phạm vi 100/1000):
 - + Tính nhẩm: Đếm tiếp (đếm lùi); Làm tròn 10; Sử dụng các *Bảng* tính trong thực hành tính cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 20.
 - + Tính viết (tính dọc): Khi thực hiện các phép tính cộng, trừ (không nhớ hoặc có nhớ) với các số trong phạm vi 100/1000.

- Thực hành giải quyết vấn đề thông qua:
- + Nhận biết ý nghĩa thực tiễn của phép tính (cộng, trừ).
- + Giải các bài toán có một bước tính liên quan đến ý nghĩa thực tiễn của phép tính (ví dụ: bài toán về thêm, bớt một số đơn vị; bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị).
- + củng cố kĩ năng “tiến trình” (đọc – hiểu – suy nghĩ tìm cách giải quyết vấn đề – trả lời) trong quá trình giải một bài toán có lời văn.
- + Làm quen với việc trình bày (theo một định dạng nhất định) lời giải của một bài toán có lời văn.

2.1.2. Tinh giản, thiết thực

Theo quy định của CT môn Toán lớp 2, SGK Toán 2 (Cánh Diều) thực hiện giảm tải, thể hiện tập trung ở một số nội dung cụ thể:

i) Sử dụng cơ chế “đếm” để hình thành cho HS “cách” thực hiện các phép tính cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 20. Đồng thời, không yêu cầu HS phải học thuộc ngay các *Bảng cộng/trừ (có nhớ) trong phạm vi 20* bằng cách cho phép sử dụng *Bảng* (như một máy tính cầm tay) trong tính toán.

Như vậy, việc học cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 được “dẫn” ra, giảm nhẹ cho HS độ khó, độ phức tạp khi học kĩ thuật tính, thể hiện ở chỗ:

- + Khi học *Bảng cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 20*, HS trải qua tiến trình:

Lập *Bảng* – Tra *Bảng* (sử dụng *Bảng*) rồi mới yêu cầu Học thuộc *Bảng*.

+ Về thực chất HS được học “Cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 20” trải qua 3 chặng: Phạm vi 20 (tính nhẩm); Củng cố khi học (tính viết) trong phạm vi 100; Tiếp tục củng cố khi học tính trong phạm vi 1000 (tính viết).

ii) Về so sánh các số trong phạm vi 1000: không sử dụng quy tắc tổng quát mà giới thiệu cho HS cách so sánh có tính chất thực hành (xem trang 52 – SGK Toán 2, tập 2). Điều này giúp cho HS không bị tải thêm nội dung “quy tắc so sánh các số có nhiều chữ số”.

iii) Coi trọng kĩ năng “tiến trình” trong quá trình giải một bài toán có lời văn và yêu cầu HS làm quen với việc trình bày lời giải của một bài toán có lời văn, không yêu cầu HS phải biết “tóm tắt” bài toán.

iv) Với nội dung “Một số yếu tố xác suất”: chỉ yêu cầu HS làm quen với việc lựa chọn các thuật ngữ “Chắc chắn – Có thể – Không thể” để mô tả một cách phù

hợp với tình huống thực tiễn có “yếu tố xác suất” nêu trong SGK Toán 2 (xem trang 82 và 94 – SGK Toán 2, tập 2).

2.1.3. Quán triệt tinh thần “Mang cuộc sống vào bài học, đưa bài học vào cuộc sống”

Mỗi *Chủ đề* trong SGK Toán 2 bắt đầu bằng một tranh vẽ, ví dụ: Tranh chủ đề 1 mô tả hoạt động của HS khi chăm sóc cây cỏ trong vườn trường; Tranh chủ đề 2 mô tả một lần đi siêu thị; Tranh chủ đề 3 mô tả các hoạt động trong sinh hoạt ngoại khóa; Tranh chủ đề 4 mô tả hoạt động trong thư viện trường tiểu học.



“MANG CUỘC SỐNG VÀO BÀI HỌC ĐƯA BÀI HỌC VÀO CUỘC SỐNG”



Ngoài ra, hầu hết các bài học trong SGK Toán 2 (Cánh Diều) đều được thiết kế trên cơ sở hoạt động học lí thuyết gắn liền với hoạt động thực hành, luyện tập; kết nối chặt chẽ giữa kiến thức lí thuyết với vận dụng thực tế. Ví dụ:



2.2. Một số điểm mới trong cấu trúc sách giáo khoa Toán 2

Sách được phân chia thành 4 chủ đề:

Chủ đề 1: Ôn tập lớp 1. Phép cộng, phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20;

Chủ đề 2: Phép cộng, phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 100;

Chủ đề 3: Phép nhân, phép chia;

Chủ đề 4: Các số trong phạm vi 1000. Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000.

Tên của mỗi chủ đề nêu rõ những kiến thức, kĩ năng trọng tâm được đề cập trong chủ đề. Ngoài ra, cùng với các tranh chủ đề thì tranh, ảnh, hình vẽ minh họa được chọn lọc trong các bài học sẽ giúp HS có được những trải nghiệm, hiểu biết đầy đủ, toàn diện hơn về cuộc sống. Đó cũng là cơ hội để giáo dục cho HS sự quan tâm đến bạn bè, gia đình, yêu mến quê hương, đất nước, nhen nhóm sự tò mò khát khao hiểu biết,...

Mỗi chủ đề được phân chia thành các bài học. Mỗi bài học được tổ chức thành một chuỗi các HĐ học tập của HS, sắp xếp theo tiến trình hướng đến việc tìm tòi, khám phá, phát hiện, thực hành, vận dụng (phù hợp với trình độ nhận thức và NL của HS lớp 2).

Cấu trúc mỗi bài học bao gồm các thành phần cơ bản: *Mở đầu*, *Hình thành kiến thức mới*, *Luyện tập*, *Vận dụng* và được thiết kế theo tinh thần kết nối chặt chẽ giữa hoạt động học lí thuyết với hoạt động thực hành, luyện tập.

Mở đầu

Hình thành kiến thức mới

Luyện tập

Luyện tập

Luyện tập

Vận dụng

Trong từng bài học, SGK Toán 2 (Cánh Diều) thiết kế nhiều dạng câu hỏi, bài tập hoặc HĐ. Những hoạt động/bài tập được gắn kí hiệu màu xanh thuộc loại thực hành, luyện tập, củng cố trực tiếp. Còn gắn kí hiệu màu da cam thuộc loại vận dụng giải quyết vấn đề thực tế hoặc mang tính chất thực tế.

Ở mỗi bài học, khi cần thiết có đưa thêm các “bóng nói” hoặc các kí hiệu bằng hình vẽ, nhằm gợi ý, hướng dẫn HS suy nghĩ giải quyết vấn đề hoặc trao đổi thảo luận với các bạn, các thầy cô giáo. Cuối mỗi bài học, thông qua một tình huống gần gũi với thực tế đời sống, HS làm quen với việc vận dụng tổng hợp kiến thức đã học để giải quyết vấn đề. Ngoài ra, HS còn được tạo cơ hội tham gia trả lời các câu hỏi và ứng đáp với các tình huống thách thức hơn nhằm phát triển tư duy, khả năng sáng tạo và đáp ứng nhu cầu dạy học phân hoá.

Cuối mỗi chủ đề có dạng bài **“Em vui học toán”** nhằm dành thời gian cho HS được tham gia các HĐ thực hành và trải nghiệm, vận dụng kiến thức toán vào thực tiễn cuộc sống. Ví dụ: Xem trang 42, 43 – Toán 2, tập 2.



2.3. Khung phân phối Chương trình và dự kiến kế hoạch dạy học sách giáo khoa Toán 2 (Cánh Diều)

Khung PPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của SGK Toán 2 (Cánh Diều). Thời lượng quy định tại Khung PPCT áp dụng cho các trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Căn cứ Khung PPCT, các trường xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với nhà trường. Các trường chỉ có điều kiện dạy học 1 buổi/ngày có thể điều chỉnh Khung PPCT cho phù hợp.

Chủ đề/bài	Tên chủ đề/bài	Số tiết
HỌC KÌ I (5 tiết x 18 tuần = 90 tiết)		
CD 1	Ôn tập lớp 1. Phép cộng, phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20	44
§1	Ôn tập các số đến 100	2
§2	Ôn tập về phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100	2
§3	Tia số. Số liền trước – Số liền sau	2
§4	Đề-xi-mét	2
§5	Số hạng – Tổng	1
§6	Số bị trừ – Số trừ – Hiệu	1
§7	Luyện tập chung	1

Chủ đề/bài	Tên chủ đề/bài	Số tiết
§8	Luyện tập phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 20	1
§9	Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20	1
§10	Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 (tiếp theo)	1
§11	Luyện tập	2
§12	Bảng cộng (có nhớ) trong phạm vi 20	2
§13	Luyện tập	2
§14	Luyện tập chung	1
§15	Luyện tập phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 20	1
§16	Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20	1
§17	Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 (tiếp theo)	1
§18	Luyện tập	2
§ 19	Bảng trừ (có nhớ) trong phạm vi 20	2
§ 20	Luyện tập	2
§ 21	Luyện tập chung	2
§22	Bài toán liên quan đến phép cộng, phép trừ	2
§23	Luyện tập	1
§24	Bài toán liên quan đến phép cộng, phép trừ (tiếp theo)	2
§25	Luyện tập	1
§26	Luyện tập chung	2
§27	Em ôn lại những gì đã học	2
§28	Em vui học toán	2
CD2	Phép cộng, phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 100	44
§29	Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 100	2
§30	Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 100 (tiếp theo)	2
§31	Luyện tập	2
§32	Luyện tập (tiếp theo)	2
§33	Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 100	2
§34	Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 100 (tiếp theo)	2
§35	Luyện tập	2
§36	Luyện tập (tiếp theo)	2
§37	Luyện tập chung	2
§38	Ki-lô-gam	2
§39	Lít	2
§40	Luyện tập chung	2
§41	Hình tứ giác	1
§42	Điểm – Đoạn thẳng	1

Chủ đề/bài	Tên chủ đề/bài	Số tiết
§43	Đường thẳng – Đường cong – Đường gấp khúc	2
§44	Độ dài đoạn thẳng – Độ dài đường gấp khúc	2
§45	Thực hành lắp ghép, xếp hình phẳng	2
§46	Luyện tập chung	2
§47	Ôn tập về phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20	2
§48	Ôn tập về phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100	2
§49	Ôn tập về hình học và đo lường	2
§50	Ôn tập	2
§51	Em vui học toán	2
	HỌC KÌ II (5 tiết x 17 tuần = 85 tiết)	
CD3	Phép nhân, phép chia	35
§52	Làm quen với phép nhân – Dấu nhân	1
§53	Phép nhân	2
§54	Thừa số – Tích	1
§55	Bảng nhân 2	2
§56	Bảng nhân 5	2
§57	Làm quen với phép chia – Dấu chia	1
§58	Phép chia	1
§59	Phép chia (tiếp theo)	2
§60	Bảng chia 2	2
§61	Bảng chia 5	2
§62	Số bị chia – Số chia – Thương	1
§63	Luyện tập	1
§64	Luyện tập chung	2
§65	Khối trụ – Khối cầu	1
§66	Thực hành lắp ghép, xếp hình khối	2
§67	Ngày – Giờ	2
§68	Giờ – Phút	2
§69	Ngày – Tháng	2
§70	Luyện tập chung	2
§71	Em ôn lại những gì đã học	2
§72	Em vui học toán	2
CD4	Các số trong phạm vi 1000. Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1000	48
§73	Các số trong phạm vi 1000	3
§74	Các số có ba chữ số	1

Chủ đề/bài	Tên chủ đề/bài	Số tiết
§75	Các số có ba chữ số (tiếp theo)	1
§76	So sánh các số có ba chữ số	2
§77	Luyện tập	2
§78	Luyện tập chung	2
§79	Phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1000	2
§80	Phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000	2
§81	Luyện tập	2
§82	Mét	2
§83	Ki-lô-mét	2
§84	Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 1000	2
§85	Luyện tập	1
§86	Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000	2
§87	Luyện tập	1
§88	Luyện tập chung	2
§89	Luyện tập chung	1
§90	Thu thập – Kiểm đếm	2
§91	Biểu đồ tranh	2
§92	Chắc chắn – Có thể – Không thể	1
§93	Em ôn lại những gì đã học	2
§94	Em vui học toán	2
§95	Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 1000	2
§96	Ôn tập về số và phép tính trong phạm vi 1000 (tiếp theo)	2
§97	Ôn tập về hình học và đo lường	2
§98	Ôn tập về một số yếu tố thống kê và xác suất	1
§99	Ôn tập chung	2

Lưu ý: Tổng cộng là 171 tiết, nhà trường chủ động sử dụng 4 tiết còn lại cho hoạt động kiểm tra và đánh giá.

Học kì I: 90 tiết

Học kì II: 85 tiết

Tổng cộng: 175 tiết

2.4. Yêu cầu về Phương pháp dạy học môn Toán 2 (Cánh Diều)

2.4.1. Đổi mới CT và SGK nhấn mạnh mục tiêu: “Góp phần chuyển nền giáo dục nặng về truyền thụ kiến thức sang nền giáo dục phát triển toàn diện phẩm chất,

NL HS.” Trong đó, Đổi mới phương pháp dạy học và Đổi mới đánh giá vẫn là những giải pháp cơ bản khi triển khai thực hiện đổi mới CT và SGK.

Hiện nay trong chiến lược dạy học phát triển NL, khi đề cập tới các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, người ta coi trọng xu thế:

i) Dạy học dựa trên cơ sở tổ chức các **hoạt động** trải nghiệm, khám phá phát hiện, học tập độc lập, tích cực, tự học có hướng dẫn của HS (thay đổi lối học của HS). Tránh lối dạy học đọc – chép, “áp đặt” (thay đổi lối dạy của GV).

ii) Tạo dựng môi trường dạy học **tương tác**. Trong mỗi bài soạn cần chú ý nêu phương thức tổ chức HĐ của HS, với các HĐ chủ yếu như:

a) Hoạt động cá nhân (*think*) nhằm tăng cường khả năng làm việc độc lập của HS.

b) Hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm (*pair*) là những HĐ nhằm giúp HS phát triển NL hợp tác, tăng cường sự chia sẻ. Thông thường, hình thức HĐ cặp đôi được sử dụng trong những trường hợp các bài tập/nhiệm vụ cần sự chia sẻ, hợp tác trong nhóm nhỏ gồm 2 HS. Còn hình thức HĐ nhóm (từ 3 HS trở lên) được sử dụng trong trường hợp tương tự, nhưng nghiêng về sự hợp tác, thảo luận với số lượng thành viên nhiều hơn.

c) Hoạt động chung cả lớp (*share*) là hình thức HĐ phù hợp với số đông HS. HĐ chung cả lớp thường được vận dụng trong các tình huống: nghe GV hướng dẫn chung; nghe GV nhắc nhở, tổng kết, rút kinh nghiệm; HS luyện tập trình bày trước tập thể lớp,... Khi tổ chức HĐ chung cả lớp, GV tránh biến giờ học thành giờ nghe thuyết giảng hoặc vấn đáp vì như vậy sẽ làm giảm hiệu quả và sai mục đích của hình thức HĐ này.

Ngoài ra, GV nên chú ý các hình thức HĐ của HS trong mối tương tác với xã hội, với cộng đồng như: giao tiếp với bạn bè, người thân trong gia đình, tham gia HĐ ở địa phương,...

iii) Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học **tích cực**; kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo với việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống. Khuyến khích việc thiết kế bài học theo cấu trúc hướng dẫn tổ chức các hoạt động trải nghiệm, khám phá, phát hiện của HS, bao gồm các bước chủ yếu: Khởi động/Trải nghiệm – Phân tích, khám phá, rút ra kiến thức mới – Luyện tập, thực hành – Vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.

iv) Sử dụng đầy đủ và **hiệu quả** các phương tiện, thiết bị dạy học môn Toán.

Coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống, các đồ dùng dạy học tự làm, đồng thời tăng cường sử dụng công nghệ thông tin và các phương tiện thiết bị dạy học hiện đại một cách phù hợp và hiệu quả. GV cần sử dụng một cách có hiệu quả các thiết bị dạy học được cung cấp, đồng thời GV và HS có thể làm thêm, điều chỉnh, bổ sung, thay thế các đồ dùng dạy học, các trò chơi, câu đố,... phù hợp với nội dung học tập và điều kiện cơ sở vật chất của lớp học, phù hợp với đặc điểm và trình độ HS trong lớp học của mình.

Khi có điều kiện, GV nên hướng dẫn HS cách tìm kiếm thông tin, tư liệu trên Internet hoặc chương trình truyền hình có uy tín về giáo dục để mở rộng vốn hiểu biết và NL tự học.

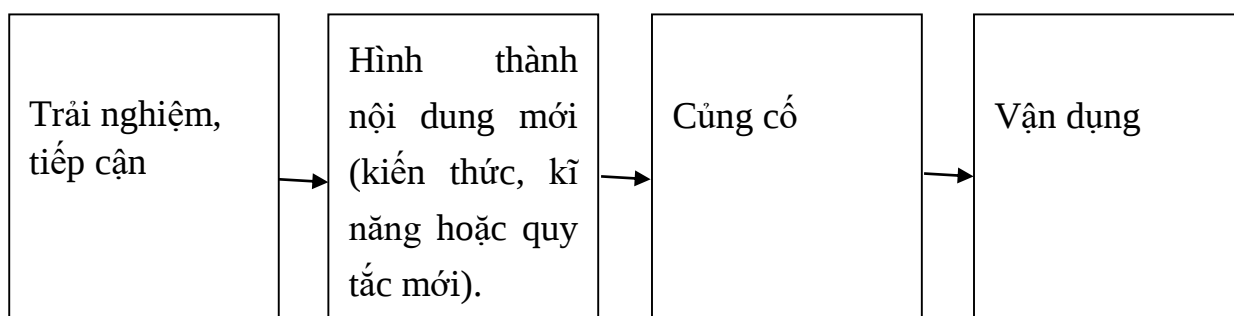
v) Tăng thực hành, vận dụng, gắn kết giữa nội dung dạy học với đời sống **thực tế** của HS, của cộng đồng. Chú trọng khai thác và sử dụng kinh nghiệm của HS trong đời sống hằng ngày. GV cần tìm cách kết nối, liên hệ giữa các kiến thức toán dạy học trong nhà trường với thực tiễn đời sống hằng ngày của HS rồi căn cứ vào mục tiêu dạy học mà tổ chức cho HS thực hành trải nghiệm. Căn cứ trên các thông tin liên quan đến đời sống hằng ngày, đặc biệt nhu cầu về tính toán để đề xuất các bài tập hay tình huống học tập toán học cho HS. Tìm những thông tin liên quan đến đời sống thực tế tại địa phương để giới thiệu cho HS. Nhận biết những cơ hội có thể vận dụng tri thức toán học vào đời sống

vi) Dạy học đi cùng **đánh giá**. Tập trung vào đánh giá sự phát triển NL học tập của người học bằng nhiều hình thức: tự đánh giá, đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì, đánh giá thông qua sản phẩm của HS.... Tăng cường quan sát, nhận xét cụ thể bằng lời, động viên, giúp HS tự tin, hứng thú, tiến bộ trong học tập môn Toán.

2.4.2. Quy trình dạy học một số dạng bài điển hình

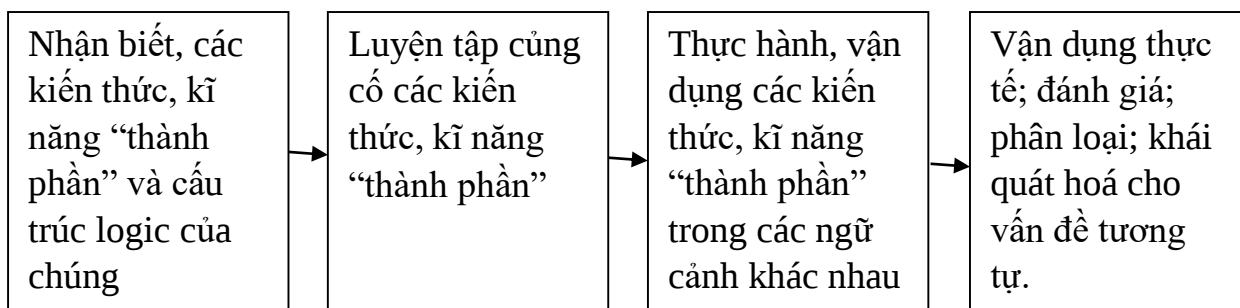
a) Dạy học “Bài mới”

Các HĐ chủ yếu trong tiến trình dạy học dạng “Bài mới”:



b) Dạy học dạng bài “Thực hành – Luyện tập”

Các HĐ chủ yếu trong tiến trình dạy học dạng bài “Thực hành – Luyện tập”:



c) Dạy học dạng bài “Ôn tập”

Bài Ôn tập nên được cấu trúc gồm ba phần:

- Tái hiện, củng cố: Gồm những bài tập cơ bản được chọn lọc giúp HS tái hiện, củng cố những kiến thức cơ bản, trọng tâm đã học trong tuần.
- Kết nối: Gồm những bài tập được chọn lọc giúp HS kết nối các kiến thức được học trong tuần và nâng cao dần kỹ năng giải toán và NL tư duy.
- Vận dụng, phát triển: Gồm những bài tập ở mức độ vận dụng, phát triển, những bài toán vui, những câu đố, những ứng dụng hoặc thể hiện của toán học trong đời sống. HS phải phân tích, tổng hợp, so sánh và vận dụng kiến thức để hoàn thành các bài tập.

Cuối mỗi bài học nên có mục “Em tự đánh giá” để HS tự đánh giá việc hoàn thành bài học hoặc để GV, cha mẹ HS đánh giá sự tiến bộ của HS.

d) Dạy học dạng bài “Hoạt động thực hành trải nghiệm”

Đây là dạng bài được tổ chức thông qua các HĐ thực hành – trải nghiệm nhằm ôn tập, củng cố, thực hành vận dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn (có thể tổ chức ngoài giờ chính khoá). VD thông qua các HĐ: thiết kế trò chơi về tính nhẩm, lắp ghép, tạo hình sáng tạo; cân, đo, thu thập, kiểm đếm số lượng trong thực tế HS được vận dụng kiến thức, kỹ năng vào cuộc sống, được giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề. Thông qua đó phát triển các NL phẩm chất.

2.5. Vấn đề đánh giá và xếp loại học sinh trong dạy học môn Toán 2 (Cánh Diều)

Khi soạn bài GV cần chú ý phản ánh hoạt động đánh giá kết quả học tập của HS khi học Toán 2. Đó là những HĐ quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập của HS; HĐ hướng dẫn, động viên HS; nhận xét định tính hoặc định lượng về kết quả học tập cũng như việc hình thành và phát triển một số NL, phẩm chất của HS trong quá trình học môn Toán.

GV cần chú ý thiết kế, tổ chức cho HS được tham gia đánh giá, tự rút kinh nghiệm và nhận xét lẫn nhau trong quá trình học tập, tự điều chỉnh cách học, qua đó dần hình thành và phát triển NL vận dụng kiến thức, khả năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường giao tiếp, hợp tác; bồi dưỡng hứng thú học tập và rèn luyện của HS trong quá trình học môn Toán.

Thông qua đánh giá quá trình, GV rút kinh nghiệm, điều chỉnh HĐ dạy học ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của HS để động viên, khích lệ; phát hiện những khó khăn của HS để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định phù hợp về những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi HS để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả HĐ học tập của HS.

III. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ THỐNG SÁCH, TÀI LIỆU THAM KHẢO BỔ TRỢ VÀ HỌC LIỆU, THIẾT BỊ DẠY HỌC CỦA SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 2 (CÁNH DIỀU)

3.1. Hệ thống sách và các tài liệu tham khảo bổ trợ (in giấy)

3.1.1. Sách bổ trợ thiết yếu (in giấy)

Bao gồm: Sách giáo viên, Vở bài tập.

3.1.1.1. Sách giáo viên

Toán 2 – SGK được biên soạn trên tinh thần quán triệt yêu cầu cần đạt của CT môn Toán lớp 2, có tính đến những nét đặc thù trong dạy học ở các điều kiện khác nhau. Để giúp GV giảm nhẹ áp lực khi soạn bài, cũng như khi dạy học trên lớp, khuyến khích GV sử dụng (trong soạn giáo án cá nhân) toàn bộ hay một phần các kịch bản được nêu trong phần “Hướng dẫn tổ chức dạy học từng bài” trong **Toán 2 – SGK**.

3.1.1.2. Vở bài tập

VBT Toán 2 được biên soạn nhằm: Đáp ứng nhu cầu thiết thực của dạy học môn Toán lớp 2; giúp các em HS lớp 2 và các thầy cô giáo thuận lợi hơn trong tổ chức các HĐ dạy học theo hướng thiết kế các bài tập/hoạt động thực hành tương tự như các bài tập/hoạt động thực hành trong SGK Toán 2 (Cánh Diều), nhưng được trình bày để tạo điều kiện cho HS trực tiếp ghi lại bài làm hoặc trình bày sản phẩm

của cá nhân. Trong các tiết học toán, thầy cô giáo có thể hướng dẫn HS làm bài ở vở này thay cho làm các bài tập trong SGK Toán 2 (Cánh Diều).

3.1.2. Tài liệu tham khảo thiết yếu (in giấy)

Bao gồm: Bài tập Toán 2; Phiếu thực hành cuối tuần Toán 2; Bài tập cơ bản và nâng cao Toán 2.

3.1.2.1. Bài tập Toán 2

Sách **Bài tập Toán 2** cung cấp cho HS và GV hệ thống bài tập/hoạt động thực hành với đầy đủ dạng loại, tương thích về độ khó và mức độ yêu cầu nêu trong SGK Toán 2 (Cánh Diều). Đồng thời có thiết kế hệ thống bài tập giúp HS kết nối kiến thức, tạo cơ hội hình thành và phát triển NL, tạo hứng thú học tập môn Toán.

Sách sẽ giúp các em HS tự học, luyện tập ở lớp, ở nhà; hỗ trợ các thầy cô giáo và phụ huynh HS thuận lợi hơn khi tổ chức các HĐ dạy học, cũng như giúp đỡ HS học tập môn Toán.

3.1.2.2. Phiếu thực hành cuối tuần Toán 2

Phiếu thực hành cuối tuần Toán 2 được biên soạn tương thích với kế hoạch học theo từng tuần được bố trí trong SGK Toán 2 (Cánh Diều). Sách cung cấp tư liệu để HS tự đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ, tạo điều kiện để thầy cô giáo và cha mẹ HS đánh giá sự tiến bộ của HS.

3.1.2.3. Bài tập cơ bản và nâng cao Toán 2

Sách **Bài tập cơ bản và nâng cao Toán 2** được biên soạn tương thích với kế hoạch dạy học theo từng tuần bố trí trong SGK Toán 2 (Cánh Diều). Sách cung cấp cho GV tài liệu củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng thực hành giải quyết vấn đề của HS, đặc biệt khi thực hiện dạy học 2 buổi/ngày.

Đồng thời, để bảo đảm tính tích hợp, tính phân hoá trong dạy học bộ môn Toán nội dung mỗi tuần được thể hiện trong các phần: *Bài tập cơ bản* và *Bài tập nâng cao*.

3.2. Thiết bị và đồ dùng dạy học

Về cơ bản, thiết bị, đồ dùng dạy học môn Toán lớp 2 phù hợp theo Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ GD&ĐT. Ngoài ra, có bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm của SGK Toán 2 (Cánh Diều).

3.3. Học liệu điện tử

Khai thác thế mạnh của công nghệ thông tin để tăng hiệu quả của nội dung sách giấy (tương tác hóa, hoạt hóa) điều mà sách giấy không truyền tải được. GV chỉ cần tải về một lần và sử dụng cả trong điều kiện không có kết nối Internet.

Học liệu điện tử bao gồm các dạng sau:

– *Phiên bản điện tử của SGK giấy bao gồm:*

+ Các video hoạt hình hoá nội dung, tăng khả năng tương tác;

+ Các bài tập sử dụng công nghệ thông tin tạo ra sự tương tác giữa sách với người học, có khả năng hỏi đáp – đánh giá kết quả làm bài tập của người học; hỗ trợ GV, HS, phụ huynh HS trong quá trình dạy và học SGK Toán 2 (Cánh Diều).

– *Tư liệu bài giảng dành cho GV:* thiết kế bài giảng tương ứng với từng kiểu bài dạy học, các tài liệu bổ trợ để GV có thể tham khảo khi dạy học.

– *Tài liệu tập huấn, bài tập bổ trợ:* để GV, HS tham khảo.

Phần thứ hai

HƯỚNG DẪN SOẠN BÀI DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 2 (CÁNH DIỀU)

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Khi chuẩn bị thiết kế kế hoạch bài học (soạn giáo án) theo hướng tiếp cận NL, GV cần thực hiện các bước sau:

Bước 1. Nghiên cứu bài học

GV nghiên cứu bài học để xác định mục tiêu về kiến thức, NL, phẩm chất của HS được hình thành, rèn luyện sau khi học xong bài học (Cần trả lời các câu hỏi: HS có được những kiến thức, NL, phẩm chất gì sau khi học bài này?; HS đã có được những kiến thức nào, vốn kinh nghiệm thực tiễn gì liên quan đến bài học?). Từ đó, xác định được kiến thức trọng tâm và dự kiến các hoạt động học tập của HS.

Khi xác định mục tiêu, GV cần dựa vào chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học và kết quả nghiên cứu bài học. Khi viết mục tiêu bài học, GV cần sử dụng các động từ đo được như: trình bày, phát biểu, xác định, phân tích, giải thích, so sánh,

vận dụng, ... Ngoài ra, GV cần trả lời câu hỏi: HS vận dụng kiến thức của bài học vào thực tiễn như thế nào?

Bước 2. Thiết kế các hoạt động học tập

GV cần dự kiến các hoạt động học tập của HS khi nghiên cứu bài học, các hoạt động thường là: hoạt động trải nghiệm (gồm trải nghiệm kiến thức cũ hoặc trải nghiệm bằng vốn sống của HS); hoạt động phân tích và rút ra bài học; hoạt động thực hành luyện tập; hoạt động củng cố, vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Bước 3. Thiết kế kế hoạch bài dạy (soạn giáo án)

Nội dung của bản Kế hoạch bài dạy có thể như sau:

<i>Ngày tháng năm</i>	
Toán 2. Tiết	TÊN BÀI
I. MỤC TIÊU	
1. Kiến thức, kỹ năng	
2. Năng lực, phẩm chất	
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC	
– Giáo viên	
– Học sinh	
III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU	
1. Hoạt động trải nghiệm (khởi động)	
2. Hoạt động phân tích, khám phá, rút ra bài học	
3. Hoạt động thực hành, luyện tập	
4. Hoạt động vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn	

II. BÀI SOẠN MINH HOẠ

Bài 12: BẢNG CỘNG (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 20

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 và thành lập *Bảng cộng (có nhớ) trong phạm vi 20*.
- Vận dụng *Bảng* (tra cứu *Bảng*) trong thực hành tính nhẩm (chưa yêu cầu HS ngay lập tức phải học thuộc lòng *Bảng*).
- Liên hệ kiến thức đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế cuộc sống hàng ngày trong gia đình, cộng đồng.
- Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 20.

III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

- HS chơi trò chơi “Truyền điện”, trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 đã học.
- HS thực hành với đồ vật thật; chia sẻ các tình huống gắn với thực tế cuộc sống hàng ngày nảy sinh nhu cầu thực hiện phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

- Tìm kết quả từng phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 (thể hiện trên các thẻ phép tính), chẳng hạn: $9 + 2 = 11$; $8 + 4 = 12$; $7 + 6 = 13$; $5 + 9 = 14$;...

Lưu ý: GV có thể tổ chức cho HS tự tìm kết quả từng phép tính dưới dạng trò chơi theo cặp/nhóm. Bạn A: rút một thẻ; đọc phép tính, đố bạn B nêu kết quả phép tính (có thể viết kết quả ra bên cạnh hoặc mặt sau). Mỗi bạn trong nhóm thông báo kết quả tính của mình và ghi lại vào bảng nhóm. Như vậy, các bạn trong nhóm đã tự lập được *Bảng cộng* của nhóm mình.

- *Sắp xếp* các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành *Bảng cộng* như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng cộng trước mặt.

- GV giới thiệu *Bảng cộng (có nhớ) trong phạm vi 20* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong *Bảng cộng*.

- HS nhận xét về đặc điểm của các phép cộng trong từng dòng hoặc từng cột

và ghi nhớ *Bảng cộng (có nhớ) trong phạm vi 20*.

– HS đưa ra *phép cộng* và đổ nhau tìm *kết quả* (làm theo nhóm bàn).

– GV tổng kết: Có thể nói:

Cột thứ nhất được coi là: Bảng 9 cộng với một số.

Cột thứ hai được coi là: Bảng 8 cộng với một số.

Cột thứ ba được coi là: Bảng 7 cộng với một số.

.....

Cột thứ tám được coi là: Bảng 2 cộng với một số.

– HS đọc *Bảng cộng*, tập sử dụng *Bảng cộng* (để tra cứu kết quả phép tính) và tiến tới ghi nhớ bảng. Bước đầu, HS có thể làm việc như sau:

+ Từng bạn đọc thầm *Bảng cộng*.

+ Hai bạn kiểm tra nhau, một bạn đọc phép tính, bạn kia kiểm tra và sửa cho bạn.

+ Để củng cố kết quả tính trong *Bảng cộng*, HS sẽ làm các bài tập tìm kết quả phép tính.

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

– Cá nhân HS làm bài tập 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (có thể sử dụng *Bảng cộng* để tìm kết quả).

– HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

Lưu ý: Bài này trọng tâm là tính nhẩm rồi nêu kết quả. Nếu HS chưa nhẩm được ngay thì vẫn có thể dùng ngón tay, que tính,... để tìm kết quả. GV nên hướng dẫn HS vận dụng *Bảng cộng (có nhớ) trong phạm vi 20* để tính nhẩm.

– GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản để nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kỹ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đổ nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: $9 + 2$; $8 + 3$; $3 + 8$;...

Bài 2

– HS thảo luận với bạn tìm các phép tính còn thiếu trong mỗi ngôi nhà. Chẳng hạn: “Ngôi nhà số 11 gồm các phép tính có kết quả bằng 11, vì vậy có hai phép tính còn thiếu là $5 + 6$; $2 + 9$ ”.

– Từng cặp HS chia sẻ trước lớp, lí giải cách làm bằng ngôn ngữ cá nhân.

Lưu ý:

+ HS có thể nêu cả những phép tính cộng không nhớ đáp ứng yêu cầu đề bài, chẳng hạn những phép tính có kết quả bằng 11 như: $10 + 1$; $11 + 0$; $1 + 10$,... thì GV nên xác nhận kết quả và nhắc nhở HS xem *Bảng cộng* để tìm các phép tính phù hợp.

+ GV hướng dẫn HS cách làm bài. Có thể *tổ chức thành trò chơi* chọn thẻ “kết quả” để gắn kết quả với thẻ “phép tính” tương ứng.

Bài 3

– Cá nhân HS quan sát tranh, suy nghĩ và kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Phép tính tương ứng là: $7 + 9 = 16$ rồi nói câu trả lời.

– GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em và khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày.

D. Hoạt động vận dụng

– HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20.

– GV khuyến khích HS nêu một vài tình huống tương tự.

E. Củng cố, dặn dò

– GV hỏi HS: Hôm nay, các em biết thêm được điều gì? HS có thể đọc *Bảng cộng* rồi nêu phép cộng tương ứng.

– Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20, hôm sau chia sẻ với các bạn.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

– Thông qua việc tiếp cận một số tình huống đơn giản để nhận biết về cách tìm

kết quả từng phép cộng và thành lập *Bảng cộng(có nhớ) trong phạm vi 20*, HS có cơ hội được phát triển NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

– Thông qua việc thao tác với que tính hoặc các chấm tròn, HS có cơ hội được phát triển NL sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

IV. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Để HS không bị lệ thuộc *Bảng cộng* đã in sẵn trong SGK, GV nên nhắc HS tự giác thực hiện phép tính của mình, không nên ngay lập tức tra, sau đó ghi nhớ kết quả tính của mình.

Khi nhóm nào đã hoàn thành *Bảng cộng* của mình, GV có thể kiểm tra nhanh, nhận xét và cho các bạn chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Bài này được thiết kế cho 2 tiết học. Tiết 1 có thể kết thúc sau bài tập 1.

Bài 17. PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 20 (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

– Biết tìm kết quả các phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 bằng cách “làm cho tròn 10”.

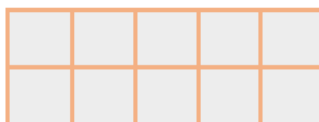
– Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

– Phát triển các NL toán học.

II. CHUẨN BỊ

– 20 chấm tròn (trong bộ đồ dùng học Toán)

– 1 khung 10 (có thể in trên giấy A4 cho HS, hoặc sử dụng bảng con kẻ sẵn 10 ô để thả các chấm tròn, nên làm gọn mỗi khung nửa tờ giấy A4).



III. GỢI Ý CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

A. Hoạt động khởi động

HS hoạt động theo nhóm (bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:

- HS quan sát bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).
 - HS thảo luận nhóm bàn: Bức tranh vẽ gì? (HS chỉ vào bức tranh nói cho bạn nghe về bức tranh).
 - HS chia sẻ trước lớp.
 - GV đặt câu hỏi để HS nêu phép tính từ tình huống tranh vẽ, GV viết phép tính lên bảng: $13 - 4 = ?$
 - GV yêu cầu HS thảo luận (theo bàn) cách tìm kết quả phép tính $13 - 4 = ?$
- Lưu ý:** GV đặt câu hỏi để HS nói *cách* tìm kết quả phép tính $13 - 4 = ?$, chứ không chỉ nêu kết quả phép tính.

B. Hoạt động hình thành kiến thức

- HS lắng nghe GV hướng dẫn cách tìm kết quả phép trừ $13 - 4 = ?$ bằng cách “làm cho tròn 10”.
- GV đọc phép tính $13 - 4$, đồng thời gắn 13 chấm tròn lên bảng. HS lấy ra 13 chấm tròn đặt trước mặt.
- HS thao tác trên các chấm tròn của mình, thực hiện phép trừ $13 - 3$ (tay gạch bớt 3 chấm tròn trên khay bên phải, miệng đếm: 13, 12, 11, 10). Sau đó, trừ tiếp $10 - 1 = 9$ (tay gạch bớt 1 chấm tròn trên khay bên trái, miệng đếm: 10, 9). Nói: Vậy $13 - 4 = 9$.
- GV chốt lại cách tính bằng cách “làm cho tròn 10” (cũng tay gạch, miệng đếm nhưng đi qua 2 chặng: đếm lùi đến 10 rồi mới đếm lùi tiếp).
- GV hướng dẫn HS thực hiện tương tự với phép tính khác chẳng hạn: $12 - 5 = ?$

C. Hoạt động thực hành, luyện tập

Bài 1

- HS thực hiện thao tác “tay gạch – miệng đếm” rồi tìm số thích hợp trong ô trống.
- HS đổi vở, kiểm tra nói cho nhau về thực hiện tính từng phép tính; Chia sẻ trước lớp.
- GV chốt lại cách thực hiện phép trừ bằng cách “làm cho tròn 10”.

Bài 2

– HS thực hiện thao tác “tay gạch – miệng đếm” để tìm kết quả phép tính rồi viết số thích hợp vào ô trống trong Phiếu học tập.

– HS đôi vở kiểm tra chéo.

– GV chữa bài, chốt lại cách thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20, bằng cách “làm cho tròn 10”.

Bài 3

– HS thực hành tính bằng cách “làm cho tròn 10” để tìm kết quả.

– HS cùng kiểm tra kết quả theo cặp, nói cho bạn nghe cách làm.

– GV chữa bài, chốt lại các cách thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 20 mà HS đã sử dụng để tìm kết quả các phép tính trong bài.

Bài 4

– HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?

– HS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời bài toán đặt ra, tại sao).

– HS viết phép tính thích hợp và trả lời:

Phép tính: $11 - 3 = 8$.

Trả lời: Cửa hàng còn lại 8 bộ đồ chơi lắp ghép hình.

– HS kiểm tra.

– GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em.

D. Hoạt động vận dụng

HS kể một tình huống trong thực tiễn có sử dụng phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 rồi đó bạn nêu phép tính thích hợp.

E. Củng cố, dặn dò

– HS nêu cảm nhận hôm nay biết thêm được điều gì?

– Em thích nhất hoạt động nào?

– Về nhà em hãy tìm hỏi ông bà, cha mẹ, người thân xem có còn cách nào để thực hiện phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 không? Tiết sau chia sẻ với cả lớp.

(*) Cơ hội học tập trải nghiệm và phát triển năng lực cho học sinh

Thông qua việc thực hành phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20, vận dụng các phép tính đã học giải quyết một số vấn đề thực tế; chia sẻ, trao đổi, đặt câu hỏi, HS có cơ hội được phát triển NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết các vấn đề toán học, NL giao tiếp toán học.

IV. LƯU Ý CHO GIÁO VIÊN

Bài này được thiết kế cho 1 tiết học

CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ VÀ LÀM BÀI THU HOẠCH

1. Phân tích một số điểm mới trong SGK Toán 2 (Cánh Diều).
2. Anh/chị hãy lựa chọn một nội dung trong SGK Toán 2 (Cánh Diều) và soạn bài dạy học (thiết kế kế hoạch bài học) nội dung đó.
3. Phân tích các phương pháp, kĩ thuật và hình thức tổ chức dạy học, cách đánh giá HS dự kiến sẽ sử dụng trong kế hoạch bài học đã thực hiện ở câu 2.